

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GD
TỈNH TN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09-5-2018
V/v tranh chấp “Ly hôn và
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GD, TỈNH TN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vui.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Đào

2. Bà Phan Thị Kiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GD tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện GD xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2018/QĐHST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị Yến N, sinh năm 1983, (vắng mặt).

Địa chỉ: Số D16/5A, ấp LH, xã TT, huyện HT, tỉnh TN;

Bị đơn: Anh Võ Quang M, sinh năm: 1984, (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 5, ấp TV, xã TĐ, huyện GD, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Phan Thị Yến N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Võ Quang M chung sống với nhau vào năm 2015, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, ngày cưới có cho một số nữ trang nhưng hiện tại không còn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện GD. Anh chị có 01 con chung tên Võ N M T, sinh ngày 01/4/2016 hiện chị đang nuôi, tài sản chung và nợ chung không có. Trong thời gian sống chung anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh M đam mê cờ bạc, tiền làm ra bao nhiêu anh M tiêu xài cá nhân và cờ bạc hết không phụ chị chi phí trong gia đình, có lần anh M lấy tài sản chung đi thế chấp để cờ bạc. Chị đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh M vẫn không thay đổi nên chị bỏ về nhà mẹ ruột ở từ tháng 3/2017 và vợ chồng sống ly thân từ

đó cho đến nay. Thời gian sống ly thân, anh M có đến thăm con nhưng cả hai không bàn bạc hàn gắn gia đình, chị cảm thấy tình cảm anh chị không còn mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh M.

Về con chung: Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Võ Quang M: Anh M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị N.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chị N đã thực hiện đúng, tuy nhiên anh M không thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh M; về con chung: Giao chị N được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục, ghi nhận chị N không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: Chị N khai không có nên không giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Võ Quang M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và chị Phan Thị Yến N có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị N và anh M chung sống với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị N yêu cầu ly hôn, nguyên nhân do anh M đam mê cờ bạc, thu nhập hàng tháng anh đều chi phí cho cá nhân và cờ bạc không lo cho gia đình và anh chị sống ly thân từ tháng 3/2017 đến nay. Xét thấy, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh M vẫn vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình chứng tỏ anh M không thể hiện thiện chí đoàn tụ và trong thời gian ly thân anh chị có gặp nhau nhưng không ai bàn bạc hàn gắn gia đình. Như vậy có đủ căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa chị N và anh M lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ ngày anh chị sống ly thân, cháu Thư sống chung với chị N và được chị chăm sóc, giáo dục phát triển bình thường, hơn nữa cháu Thư còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Hiện nay, chị N đang

làm công nhân, có thu nhập ổn định nên có điều kiện và khả năng để nuôi dạy con và đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử cần giao con cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Sau này anh M có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 227 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị Yến N đối với anh Võ Quang M. Chị N được ly hôn với anh M.

2. Về con chung: Giao cho chị N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Võ N M T, sinh ngày 01/4/2016. Anh M không cấp dưỡng nuôi con.

Anh M có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0013135 ngày 01/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện GD. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện GD;
- Chi cục THADS huyện GD;
- Các đương sự;
- UBND xã PT;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Vui